

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN

Số: 425 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 08 tháng 8 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh vị trí, ranh giới, địa điểm công trình,  
dự án trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Vinh

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 5326/STNMT-QLĐĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh vị trí, ranh giới, địa điểm công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Vinh.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Cho phép điều chỉnh vị trí, ranh giới, địa điểm một số công trình, dự án trong phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Vinh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 đến nay chưa thực hiện và không làm thay đổi chỉ tiêu các loại đất đã được phê duyệt. Cụ thể như sau:

a) Đối với dự án Khu đô thị và Nhà ở xã hội tại xã Hưng Hoà.

- Hạng mục đất ở đô thị: Điều chuyển tăng 19,98 ha từ phường Vinh Tân (Khu đô thị phường Vinh Tân, các xã Hưng Lợi, Hưng Thịnh (3,39 ha); Khu đô thị

và công viên cây xanh (1,91 ha); Quy hoạch đất ở phía Tây Nam sông Cửa Tiền (0,94 ha)); xã Hưng Hoà (Khu đô thị phía Tây (13,14 ha)) và xã Hưng Chính (Khu đô thị và công viên cây xanh (0,6 ha));

- Hạng mục đất khu vui chơi giải trí công cộng: Điều chuyển tăng 2,91 ha từ phường Vinh Tân (Khu đô thị phường Vinh Tân, các xã Hưng Lợi, Hưng Thịnh (1,28 ha); xã Nghi Phú (Quy hoạch cây xanh thể thao xóm 7 (0,3 ha); xã Nghi Kim (Khu chia lô đất ở dân cư xóm 3 (0,3 ha)) và xã Hưng Hoà (Khu đô thị phía Tây (1,03 ha));

- Hạng mục đất mặt nước: Điều chuyển tăng 7,56 ha từ phường Đội Cung (Mở rộng Hồ điều hoà khối 9 (0,69 ha)) và xã Hưng Lộc (hiện trạng dọc hồ điều hoà (6,87 ha));

- Hạng mục đất giao thông: Điều chuyển tăng 0,56 ha từ phường Vinh Tân (Khu đô thị phường Vinh Tân, các xã Hưng Lợi, Hưng Thịnh);

- Hạng mục đất thuỷ lợi: Điều chuyển giảm 0,95 ha sang phường Vinh Tân (Mương thuỷ lợi phía Bắc khu tái định cư Lê Mao kéo dài (0,63 ha)); xã Hưng Đông (Kênh thoát nước Nghi Kim – Nghi Vạn (0,32 ha));

- Hạng mục đất sinh hoạt cộng đồng: Điều chuyển tăng 0,01 ha từ phường Hưng Dũng (Phía Bắc Khu đô thị sinh thái);

- Hạng mục đất giáo dục đào tạo: Điều chỉnh vị trí khu đất thực hiện.

b) Đối với dự án Mở rộng Khu đô thị tại xã Hưng Hoà.

- Hạng mục đất ở đô thị: Điều chuyển tăng 0,86 ha từ Khu đô thị phía Tây xã Hưng Hoà;

- Hạng mục đất khu vui chơi giải trí công cộng: Điều chuyển tăng 0,39 ha từ Khu quy hoạch công viên cây xanh ven Quốc lộ 1A, xã Nghi Kim;

- Hạng mục đất giao thông: Điều chuyển giảm 1,61 ha sang Quy hoạch đường nối từ Nguyễn Sỹ Sách kéo dài đi xóm Phong Yên, xã Hưng Hoà;

- Hạng mục đất thuỷ lợi: Điều chuyển tăng 0,11 ha từ Khu đô thị phía Tây xã Hưng Hoà;

- Hạng mục đất sinh hoạt cộng đồng: Điều chuyển tăng 0,15 ha từ Quy hoạch đất sinh hoạt cộng đồng tại xã Nghi Ân;

- Hạng mục đất thương mại, dịch vụ: Điều chuyển tăng 0,1 ha từ Khu đô thị phía Tây xã Hưng Hoà.

c) Đối với các chỉ tiêu khác.

- Đất ở nông thôn: Điều chuyển giảm 7,9 ha tại xã Nghi Liên (Chia lô đất giá đất ở xóm Bắc Liên (1,96 ha)); xã Nghi Phú (Đất ở phía Tây đường QH24m nối từ QL46 Nghi Ân đi xóm Xuân Đồng, Nghi Đức (3,2 ha)); xã Nghi Kim (Chia lô đất ở dân cư xóm 3 (1,71 ha), Đất ở xóm 2 (1,03 ha) sang quy hoạch tại xã Hưng Hoà (Đất ở phía bắc đường Nguyễn Sỹ Sách (6,87 ha) và xã Nghi Kim (Đất ở phía Nam khu dân cư xóm 6 (1,03 ha));

- Đất nông nghiệp khác: Điều chuyển giảm 12,86 ha tại xã Nghi Kim (Vùng sản xuất hoa cao cấp (3,22 ha)); xã Nghi Liên (Vùng sản xuất rau an toàn (2,44 ha), Vùng sản xuất hoa cao cấp (0,02 ha)); xã Hưng Đông (Vùng sản xuất rau an toàn xóm Vĩnh Xuân (2,98 ha), Vùng sản xuất hoa cao cấp (4,2 ha) sang quy hoạch Vùng trồng rau màu tại xã Nghi Ân;

- Đất khu vui chơi giải trí công cộng: Điều chuyển giảm 6,87 ha tại xã Hưng Lộc (Khu vui chơi, giải trí quanh hồ điều hoà (4,26 ha)) và xã Hưng Chính (Khu đô thị và công viên cây xanh (2,61 ha) sang quy hoạch dọc hồ điều hoà tại xã Hưng Lộc.

(có Biểu danh mục công trình, dự án và Sơ đồ vị trí điều chỉnh kèm theo)

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân thành phố Vinh có trách nhiệm:

1. Tổ chức công bố công khai nội dung cập nhật, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

2. Triển khai thực hiện theo phương án quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt điều chỉnh.

3. Cập nhật nội dung điều chỉnh vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện theo quy định của pháp luật.

4. Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện khi lập quy hoạch sử dụng đất kỳ tiếp theo.

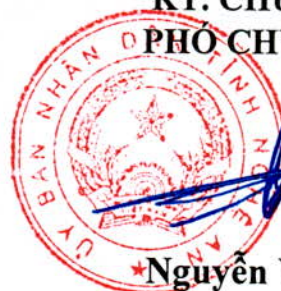
**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở, thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Vinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT NN UBND tỉnh;
- Lưu: VT. NN (X. Hùng).



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Đệ**

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN VÀ THAY ĐỔI CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT GIỮA CÁC DỰ ÁN  
(LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ VÀ NHÀ Ở XÃ HỘI TẠI XÃ HUNG HÒA  
(Kèm theo Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

STT	Tên dự án tăng	Phường, xã	Biến động tăng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Loại đất biến động tăng						Tên dự án giảm	phường, xã	Biến động giảm (ha)	Tổng diện tích (ha)	Loại đất biến động giảm										
					LUC	LUK	HNK	NTS	DGT	DTL					MNC	LUC	LUK	HNK	NTS	DGT	DTL	MNC			
<b>I</b>	<b>ODT</b>		<b>19.98</b>	<b>19.98</b>							<b>ODT</b>		<b>19.98</b>	<b>19.98</b>											
1	Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã Hưng Hòa	Hưng Hòa	19.98	19.98			12.86	5.65	0.91	0.56	Khu đô thị tại phường Vinh Tân và các xã Hưng Lợi, Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên (hạng mục đất ở)	Phường Vinh Tân	3.39	3.39				3.00	0.18	0.21					
2											Khu đô thị và công viên cây xanh tại thành phố Vinh_Hạng mục đất ở	Phường Vinh Tân	1.91	1.91				1.71		0.20					
3											QH đất ở phía tây nam sông Cửa Tiền	Phường Vinh Tân	0.94	0.94				0.94							
4											Khu đô thị phía tây Hưng Hòa	Hưng Hòa	13.14	13.14	12.26					0.73	0.15				
5											Khu đô thị và công viên cây xanh tại thành phố Vinh_Hạng mục đất ở	Hưng Chính	0.60	0.60	0.60										
<b>II</b>	<b>ONT</b>		<b>7.90</b>	<b>7.90</b>									<b>7.90</b>	<b>7.90</b>											
1	Quy hoạch đất ở phía bắc đường Nguyễn Sỹ Sách ở xã Hưng	Hưng Hòa	6.87	6.87	6.87						Chia lô đầu giá đất ở xóm Bắc Liên hạng mục đất ở	Nghi Liên	1.96	1.96				1.96							
2											Khu quy hoạch đất ở phía tây đường quy hoạch 24 m nối từ quốc lộ 46 Nghi Ân đi xóm Xuân Đông, Nghi Đức (hạng mục đất ở)	Nghi Phú	3.20	3.20				3.20							
3											Khu chia lô đất ở dân cư tại xóm 3 xã Nghi Kim (hạng mục đất ở)	Nghi Kim	1.71	1.71				1.71							
4	Quy hoạch đất ở phía Nam khu dân cư xóm	Nghi Kim	1.03	1.03	1.03						Khu quy hoạch đất ở xóm 2 nghi kim(hạng mục đất ở)	Nghi Kim	1.03	1.03				1.03							
<b>III</b>	<b>NKH</b>		<b>12.86</b>	<b>12.86</b>							<b>NKH</b>		<b>12.86</b>	<b>12.86</b>											
1	Quy hoạch vùng trồng rau màu xã	Nghi Ân	12.86	12.86	12.86						Quy hoạch vùng sản xuất hoa cao cấp	Xã Nghi Kim	3.22	3.22				3.22							
2											QH vùng sản xuất, rau an toàn Nghi Liên	Xã Nghi Liên	2.44	2.44				2.44							
3											QH vùng sản xuất hoa cao cấp	Xã Nghi	0.02	0.02				0.02							
4											Quy hoạch sản xuất rau an toàn xóm Vĩnh Xuân, Đông Vinh	Xã Hưng Đông	2.98	2.98				2.98							
5											Quy hoạch sản xuất Hoa cao cấp	Xã Hưng Đông	4.20	4.20				4.20							
<b>IV</b>	<b>DKV</b>		<b>9.78</b>	<b>9.78</b>							<b>DKV</b>		<b>9.78</b>	<b>9.78</b>											

STT	Tên dự án tăng	Phường, xã	Biến động tăng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Loại đất biến động tăng							Tên dự án giảm	phường, xã	Biến động giảm (ha)	Tổng diện tích (ha)	Loại đất biến động giảm						
					LUC	LUK	HNK	NTS	DGT	DTL	MNC					LUC	LUK	HNK	NTS	DGT	DTL	MNC
1	Khu đô thị và nhà ở xã hội tại Hưng Hòa	Hưng Hòa	1.88	1.88				1.88				Khu đô thị tại phường Vinh Tân và các xã Hưng Lợi, Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên (hạng mục đất DKV)	Vinh Tân	1.28	1.28				1.28			
2												Quy hoạch cây xanh thể thao xóm 7 (DKV)	Nghi Phú	0.30	0.30				0.30			
3												Khu chia lô đất ở dân cư tại xóm 3 xã Nghi Kim (DKV)	Nghi Kim	0.30	0.30				0.30			
4	Khu đô thị và nhà ở xã hội tại Hưng Hòa	Hưng Hòa	1.03	1.03				1.03				Khu Đô thị phía tây hưng Hòa (DKV)	Hưng Hòa	1.03	1.03	1.03						
5	Quy hoạch đất DKV dọc hồ điều hòa	Hưng Lộc	6.87	6.87							6.87	QH khu vui chơi, giải trí quanh hồ điều hòa	Hưng Lộc	4.26	4.26	4.26						
6												Khu đô thị và công viên cây xanh tại thành phố Vinh_Hạng mục đất khu vui chơi, giải trí	Hưng Chính	2.61	2.61	2.61						
<b>V</b>	<b>MNC</b>		<b>7.56</b>	<b>7.56</b>								<b>MNC</b>		<b>7.56</b>	<b>7.56</b>							
1	Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã Hưng Hòa (hạng mục)	Hưng Hòa	0.69	0.69			0.69					Mở rộng Hồ điều hồ khối 9 phường Đội Cung	Đội Cung	0.69	0.69				0.69			
2	Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã Hưng Hòa (hạng mục DNC)	Hưng Hòa	1.71	1.71				1.71														
			1.96	1.96				1.96				Quy hoạch đất DKV dọc hồ điều hòa	Hưng Lộc	6.87	6.87							6.87
			3.20	3.20				3.20														
<b>VI</b>	<b>DGT</b>		<b>0.56</b>	<b>0.56</b>								<b>DGT</b>		<b>0.56</b>	<b>0.56</b>							
1	Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã Hưng Hòa (DGT)	Hưng Hòa	0.56	0.56				0.56				Khu đô thị tại phường Vinh Tân và các xã Hưng Lợi, Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên (hạng mục đất giao thông)	Vinh Tân	0.56	0.56				0.56			
<b>VII</b>	<b>DTL</b>		<b>0.95</b>	<b>0.95</b>								<b>DTL</b>		<b>0.95</b>	<b>0.95</b>							
1	Quy hoạch mương thủy lợi phía bắc khu tái định cư Lê Mao	Vinh Tân	0.63	0.63				0.63				Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã Hưng Hòa (DTL)	Hưng Hòa	0.95	0.95				0.95			
2	Bổ sung quỹ đất kênh thoát nước Nghi Kim-Nghi Vạn	Hưng Đông	0.32	0.32				0.32														
<b>VIII</b>	<b>DSH</b>		<b>0.01</b>	<b>0.01</b>								<b>DSH</b>		<b>0.01</b>	<b>0.01</b>							
1	Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã Hưng	Hưng Hòa	0.01	0.01				0.01				QH đất sinh hoạt cộng đồng phía bắc Khu đô thị sinh thái	Hưng Dũng	0.01	0.01				0.01			
<b>Tổng</b>					<b>20.76</b>	<b>-</b>	<b>18.71</b>	<b>11.79</b>	<b>0.91</b>	<b>0.56</b>	<b>6.87</b>					<b>20.76</b>	<b>-</b>	<b>18.71</b>	<b>11.79</b>	<b>0.91</b>	<b>0.56</b>	<b>6.87</b>